

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2024

Về “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Triệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tào Thị Bích Thủy

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chung

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương - Thư ký TAND huyện

Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trúc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2023/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXX-ST ngày 18 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1985; trú tại: thôn G, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu PH, sinh năm 1984; trú tại: thôn MP, xã ĐP, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện viết ngày 19/7/2023 và tại phiên tòa bà Trần Thị P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà và ông Nguyễn Hữu PH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐP, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam vào năm 2018. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Nguyễn Hữu PH rượu chè cờ bạc, không lo làm ăn, dẫn đến vợ chồng cãi vã, bà P bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm tới ai. Vợ chồng ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 4 năm 2023, sau đó trở lại chung sống, nhưng ông PH vẫn không có thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng tiếp tục xảy ra, bà về nhà cha mẹ ở từ tháng 6 năm 2023 đến nay.

Nay bà Trần Thị P thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hạnh phúc vợ chồng không còn, bà P yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu PH.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/11/2023 ông Nguyễn Thanh P1 (cha ruột của ông Nguyễn Hữu PH) trình bày:* Về quan hệ hôn nhân vợ chồng Nguyễn Hữu PH và Trần Thị P sống với nhau không hoà hợp, Nguyễn Hữu PH không lo làm ăn, dẫn đến vợ chồng Phước cãi vã, P vợ PH bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, mỗi người sống một nơi, thỉnh thoảng P có về nhà thăm con.

Bà P xin ly hôn, gia đình ông P1 đã nhận thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần nhận giấy triệu tập của Tòa án gọi đến nhà, gia đình có thông báo cho Nguyễn Hữu PH biết nhưng PH không chịu đến Tòa án.

- *Về quan hệ con chung:*

Bà Trần Thị P khai: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần MT, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2018 và Nguyễn Trần KT sinh ngày 02/01/2020, khi ly hôn bà P có nguyện vọng được 02 con cho đến khi các cháu MT và KT đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu ông Nguyễn Hữu PH cấp dưỡng nuôi con. Theo bà vì ông PH đang nuôi đứa con riêng với vợ trước tên là Nguyễn Trịnh Phi L (sinh tháng 10 năm 2014).

- *Về tài sản chung:* Bà Trần Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về nợ chung:* Bà Trần Thị P khai vợ chồng không có.

***Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:**

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử: Thành phần HĐXX phiên tòa sơ thẩm được tiến hành đúng thời gian địa điểm đã được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. HĐXX, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự.

+ Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn bà Trần Thị P thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 186, 189, 190 BLTTDS 2015.

Người tham gia tố tụng là bị đơn ông Nguyễn Hữu PH không thực hiện quyền của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS 2015.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án:

Từ những chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị P:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà Trần Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Hữu PH.

- *Về quan hệ con chung:* Giao 2 cháu Nguyễn Trần MT, sinh 21/02/2018 và Nguyễn Trần KT sinh ngày 02/01/2020 cho bà P nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cho đến khi các cháu MT và KT đủ 18 tuổi, bà P không yêu cầu ông Nguyễn Hữu PH cấp dưỡng nuôi con .

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị P không yêu cầu Tòa án can thiệp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về tố tụng: Trong quá trình Tòa thụ lý vụ án, thể hiện tại hồ sơ bị đơn ông Nguyễn Hữu PH đã được Tòa án nhân dân huyện Đ tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐH-HNGĐ ngày 03/01/2024, xét xử lần hai vào ngày 19/01/2024 nhưng tại phiên tòa ông Nguyễn Hữu PH vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông PH, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét về quan hệ hôn nhân bà Trần Thị P và ông Nguyễn Hữu PH, tự nguyện kết hôn vào năm 2018 tại UBND xã ĐP, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi giải quyết vụ án. Vợ chồng Trần Thị P và Nguyễn Hữu PH chung sống với nhau đến tháng 4 năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn và kéo dài đến tháng 4 năm 2023, nguyên nhân theo bà P đã trình bày. Phù hợp với biên bản lấy lời khai xác minh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng lập ngày 06/ 11/2023.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bà Trần Thị P kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của bà P cho bà Trần Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Hữu PH.

[3] Về quan hệ con chung: Xét nguyện vọng về nuôi con của bà P, thấy các cháu còn nhỏ, cần phải có sự chăm sóc của mẹ, hơn nữa ông PH thường đi xa và vắng nhà, nên Hội đồng chấp nhận nguyện vọng của bà P. Giao 2 cháu Nguyễn Trần MT, sinh ngày 21/02/2018 và Nguyễn Trần KT sinh ngày 02/01/2020 cho bà P nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cho đến khi các cháu MT và KT đủ 18 tuổi, bà P không yêu cầu ông Nguyễn Hữu PH cấp dưỡng nuôi con

[4] - Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết..

[5] - Về nợ chung; bà P khai không có.

[6] - Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí về yêu cầu ly hôn: Bà Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị P đã nộp theo biên lai thu số 04316 ngày 19/7/ 2023

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 147, 203, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị P cho bà Trần Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Hữu PH.

2. *Về quan hệ con chung*: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị P, giao 2 cháu Nguyễn Trần MT, sinh ngày 21/02/2018 và Nguyễn Trần KT, sinh ngày 02/01/2020 cho bà P nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cho đến khi các cháu MT và KT đủ 18 tuổi, bà P không yêu cầu ông Nguyễn Hữu PH cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Hữu PH có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản, khi có lý do chính đáng, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Bà Trần Thị P không yêu cầu Tòa can thiệp.

4. *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí về yêu cầu ly hôn; Bà Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo bên lai thu số 04316 ngày 19/7/ 2023.

- *Về quyền kháng cáo*: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trần Thị P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, bị đơn ông Nguyễn Hữu PH, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Triệu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Trương Văn Triệu